

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

KHUÁT THỊ THU HIỀN

CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ TRONG
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Công Bình

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ	6		
1.1. Khái niệm và đặc điểm của việc dân sự	6		
1.1.1. Khái niệm việc dân sự	6		
1.1.2. Đặc điểm của việc dân sự	9		
1.2. Khái niệm, đặc điểm, cơ sở và ý nghĩa của chế định giải quyết việc dân sự	12		
1.2.1. Khái niệm chế định giải quyết việc dân sự	12		
1.2.2. Đặc điểm của chế định giải quyết việc dân sự	14		
1.2.3. Cơ sở của chế định giải quyết việc dân sự	20		
1.2.4. Ý nghĩa của chế định giải quyết việc dân sự	22		
Chương 2: NỘI DUNG CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH	27		
2.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự	27		
2.1.1. Những loại việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân	27		
2.1.2. Nguyên tắc giải quyết việc dân sự	28		
2.1.3. Người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự	31		
2.1.4. Thành phần giải quyết việc dân sự	32		
2.1.5. Thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự	33		
2.1.6. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự	36		
2.2. Những quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự	38		
2.2.1. Thủ tục việc dân sự	38		
2.2.2. Thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự	43		
2.2.3. Kháng cáo, kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự	47		
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ	53		
3.1. Thực tiễn thực hiện chế định giải quyết việc dân sự	53		
3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện chế định giải quyết việc dân sự	53		
3.1.2. Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chế định giải quyết việc dân sự	56		
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực hiện chế định giải quyết việc dân sự	71		
3.2.1. Kiến nghị về sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự	71		
3.2.2. Một số kiến nghị hướng dẫn áp dụng các quy định trong Phần thứ năm về thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự	74		
3.2.3. Kiến nghị về bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	91		
KẾT LUẬN	95		
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97		

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Theo quy định tại Điều 1 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2004, vụ việc dân sự bao gồm vụ án dân sự và việc dân sự. Do hai loại vụ việc dân sự có những sự khác biệt nhất định nên BLTTDS đã quy định hai loại thủ tục giải quyết, theo đó vụ án dân sự được giải quyết theo thủ tục giải quyết vụ án dân sự còn việc dân sự được giải quyết theo thủ tục giải quyết việc dân sự.

Sau khi BLTTDS được ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2005, hàng năm Tòa án nhân dân các cấp thụ lý và giải quyết hàng nghìn việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, sau hơn 5 năm thi hành, một số quy định của BLTTDS đã bộc lộ những hạn chế, bất cập; có những quy định mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác; có những quy định chưa phù hợp hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau; có những quy định chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; thiếu nhiều quy định điều chỉnh quan hệ xã hội mới phát sinh... và cho đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể hóa, do đó đã gây nhiều trở ngại cho hoạt động của Tòa án nhân dân trong quá trình giải quyết các tranh chấp dân sự. Bên cạnh đó nhằm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tiếp tục từng bước hoàn thiện một cách căn bản hệ thống pháp luật tố tụng dân sự nói chung và BLTTDS nói riêng, bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tố tụng dân sự đồng thời tạo điều kiện để Tòa án thực hiện tốt hơn công tác xét xử, ngày 29/3/2011, tại kỳ họp thứ chín, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCHN) Việt Nam khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS.

Về thủ tục giải quyết việc dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS đã sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTDS như quy định về thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự; thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự v.v... làm cho chế định thủ tục giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam được hoàn thiện hơn. Tuy vậy, để nhận thức được đầy đủ, đúng và áp dụng thống nhất trong thực tiễn các quy định

về thủ tục giải quyết việc dân sự trong BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS thì cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ nhiều vấn đề liên quan. Với mong muốn góp phần làm rõ những vấn đề liên quan đến thủ tục giải quyết việc dân sự, tìm ra các giải pháp hoàn thiện và thực hiện chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, học viên đã chọn đề tài "**Chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**" làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Khi BLTTDS mới ban hành, để áp dụng đúng đắn quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật này năm 2007 Tòa án nhân dân tối cao đã có công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ với đề tài "*Cơ sở lý luận và thực tiễn thi hành quy định tại Phần thứ năm: Thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự*" do tiến sĩ Nguyễn Văn Dũng làm Chủ nhiệm đề tài. Ngoài ra còn một số bài viết về vấn đề này như "*Một số quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự*" và "*Những vấn đề cơ bản về thủ tục giải quyết một số việc dân sự*" của tác giả Tường Duy Lượng trong cuốn *Pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn xét xử* do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2009; "*Về thủ tục giải quyết việc dân sự trong Bộ luật tố tụng dân sự*" của thạc sĩ Tổng Công Cường đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11-2007; "*Vấn đề nhập, tách các yêu cầu trong vụ việc dân sự và cơ chế chuyển hóa giữa việc dân sự, vụ án dân sự*" của tiến sĩ Trần Anh Tuấn đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 9-2006 (số 18) "*Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện trong việc giải quyết các vụ việc dân sự*" của Tường Duy Lượng đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 8-2007 (số 15, số 16); "*Những vướng mắc từ việc giải quyết ly hôn với người biệt tích*" của Thái Quý đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 6-2007 (số 12); "*Bàn về một số vướng mắc thường gặp trong giải quyết vụ việc dân sự*" của Đỗ Văn Chinh đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, kỳ I tháng 10-2008 (số 19); "*Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*" của tiến sĩ Nguyễn Minh Hằng, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, kỳ II tháng 8-2009; "*Một số vấn đề liên quan đến việc dân sự*" của Nguyễn Thanh Hải đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 8-2007 (số 16); v.v... Tuy vậy, các

công trình nghiên cứu này chỉ mới làm rõ được một số vấn đề liên quan đến chế định giải quyết việc dân sự, mặt khác do được thực hiện trong thời gian Nhà nước ta chưa ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS nên nhiều vấn đề liên quan mới nảy sinh từ khi Nhà nước ta ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS còn chưa được nghiên cứu giải quyết.

3. Mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ một số vấn đề lý luận, nội dung của chế định giải quyết việc dân sự và thực tiễn thực hiện chúng từ đó, thấy được những vướng mắc, bất cập và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, việc nghiên cứu đề tài có các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận của chế định giải quyết việc dân sự như khái niệm việc dân sự, khái niệm và cơ sở của chế định việc dân sự v.v...
- Nghiên cứu các quy định chung của chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật Việt Nam hiện hành và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự tương ứng để so sánh, tham khảo.
- Khảo sát thực tiễn thực hiện chế định giải quyết việc dân sự tại các Tòa án Việt Nam để nhận diện các bất cập của chế định giải quyết việc dân sự và đề xuất được các giải pháp hoàn thiện.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu đề tài là các quan điểm của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, những vấn đề về lý luận chế định giải quyết việc dân sự, các quy định của chế định này trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn thực hiện chúng tại các Tòa án Việt Nam v.v... Tuy vậy, do giới hạn của một đề tài luận văn thạc sĩ việc nghiên cứu đề tài chỉ tập trung vào một số vấn đề như khái niệm, ý nghĩa, cơ sở, nội dung và vai trò của chế định giải quyết việc dân sự, các quy định về thẩm quyền, thủ tục giải quyết việc nói chung (không nghiên cứu thủ tục giải quyết các loại việc dân sự cụ thể) của chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng chúng tại các Tòa án Việt Nam trong những năm gần đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về nhà nước và pháp luật, bảo vệ quyền con người nói chung và quyền công dân nói riêng.

Luận văn được thực hiện trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống như phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá... trên cơ sở xem xét tính phù hợp, thống nhất của các quy định của chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng Việt Nam hiện hành với vấn đề lý luận, với thực tiễn hoạt động giải quyết việc dân sự tại Tòa án để làm rõ các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu đề tài.

6. Những điểm mới của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu về chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS được ban hành và có những điểm mới sau đây:

- Hoàn thiện khái niệm và làm rõ ý nghĩa, cơ sở của chế định giải quyết việc dân sự.
- Phân tích làm rõ nội dung các quy định chung của chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành và đánh giá đúng được thực trạng của chúng.
- Đề xuất được những giải pháp cụ thể, góp phần vào việc sửa đổi toàn diện BLTTDS theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII.

Luận văn là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật và trong việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của chế định giải quyết việc dân sự tại Phần thứ năm BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về chế định giải quyết việc dân sự.

Chương 2: Nội dung của chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện chế định giải quyết việc dân sự và kiến nghị.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của việc dân sự

1.1.1. Khái niệm việc dân sự

Khái niệm việc dân sự được quy định tại Điều 311 BLTTDS: "Việc dân sự là việc cá nhân, tổ chức không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của mình hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác; yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động".

Như vậy, việc dân sự được hiểu là việc mà cá nhân, tổ chức không có tranh chấp về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên do các bên đã thoả thuận được với nhau, tuy nhiên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình các bên yêu cầu Tòa án công nhận giá trị pháp lý của sự thoả thuận đó. Hoặc trường hợp chỉ có một bên khi có một sự kiện pháp lý nào đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự hoặc quyền về dân sự yêu cầu Tòa án xác nhận sự kiện pháp lý đó; công nhận hoặc không công nhận quyền, nghĩa vụ dân sự, HN&GD, kinh doanh, thương mại và lao động.

1.1.2. Đặc điểm của việc dân sự

Việc dân sự có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, không có nguyên đơn và bị đơn trong việc dân sự mà chỉ có người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự.

Thứ hai, các đương sự trong việc dân sự không có tranh chấp với nhau về quyền và nghĩa vụ dân sự.

Thứ ba, từ yêu cầu của đương sự Tòa án sẽ công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý mà từ sự kiện đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự; từ yêu cầu của đương sự Tòa án công nhận quyền dân sự cho họ.

1.2. Khái niệm, đặc điểm, cơ sở và ý nghĩa của chế định giải quyết việc dân sự

1.2.1. Khái niệm chế định giải quyết việc dân sự

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm: *Chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự là tổng hợp các quy định của*

pháp luật tố tụng dân sự về trình tự và thủ tục giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân.

1.2.2. Đặc điểm của chế định giải quyết việc dân sự

Chế định giải quyết việc dân sự các đặc điểm sau:

Thứ nhất, thời hạn tố tụng giải quyết việc dân sự được quy định ngắn hơn so với thời hạn tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

Thứ hai, quy định thành phần giải quyết việc dân sự ở cấp sơ thẩm do một Thẩm phán giải quyết, không có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân.

Thứ ba, quy định Tòa án mở phiên họp để giải quyết việc dân sự mà không phải là phiên tòa như đối với giải quyết vụ án dân sự.

Thứ tư, quy định thủ tục hòa giải không được áp dụng "tuyệt đối" đối với việc giải quyết việc dân sự.

Thứ năm, quy định tại phiên họp giải quyết việc dân sự không có phần tranh luận.

Thứ sáu, thời hạn kháng cáo, kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự được quy định ngắn hơn so với thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm (trừ một vài việc dân sự cụ thể thời hạn kháng cáo, kháng nghị được quy định như thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm).

Thứ bảy, thủ tục phúc thẩm đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị không phải tiến hành mở phiên tòa, không phải triệu tập các đương sự trừ khi thấy cần thiết.

Thứ tám, không quy định tái thẩm đối với một số quyết định giải quyết việc dân sự.

Thứ chín, quy định hình thức văn bản của việc giải quyết việc dân sự là quyết định.

1.2.3. Cơ sở của chế định giải quyết việc dân sự

1.2.3.1. Cơ sở lý luận của chế định giải quyết việc dân sự

]Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" khẳng định: "Nghiên cứu để quy định và thực hiện thủ tục rút gọn đối với những vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng...", "tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tư pháp, khẩn trương ban hành Bộ luật tố tụng dân sự...". Từ những yêu cầu cụ

thể này của công cuộc cải cách tư pháp đòi hỏi phải xây dựng BLTTDS trong đó phải quy định cơ chế xét xử linh hoạt, đơn giản, gọn nhẹ, giải quyết các yêu cầu của đương sự một cách nhanh chóng, tiết kiệm được cả về thời gian, công sức và chi phí tố tụng của Nhà nước cũng như của các đương sự, bảo đảm bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Bên cạnh đó, chế định giải quyết việc dân sự còn xuất phát từ nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 BLTTDS.

1.2.3.2. Cơ sở thực tiễn của chế định giải quyết việc dân sự

Trước đây, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế và Pháp lệnh thủ tục giải quyết tranh chấp lao động không có quy định riêng cho việc giải quyết bất cứ một loại vụ việc nào. Tất cả các vụ việc dân sự, HN&GD, kinh tế và lao động đều phải được thực hiện qua những thủ tục chung cho việc giải quyết các vụ án dân sự, HN&GD, kinh tế và lao động. Có nghĩa là việc giải quyết tất cả các vụ án trên đều phải tuân theo thủ tục, trình tự, thời hạn tố tụng do pháp luật quy định chung, không phân biệt đơn giản hay phức tạp, chứng cứ đầy đủ, rõ ràng, đã được các đương sự thỏa thuận, và không có tranh chấp để được rút ngắn thời gian hoặc bất cứ một thủ tục nào. Do đó, đã dẫn đến thực tiễn giải quyết các vụ việc tại các Tòa án nhân dân luôn nằm trong tình trạng tồn đọng, gây bức xúc cho các đương sự, lãng phí thời gian, tiền bạc của Nhà nước và của đương sự, không bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, không phát huy được tính chủ động của Thẩm phán.

Ngoài ra, một cơ sở thực tiễn nữa cũng rất quan trọng trong xây dựng chế định giải quyết việc dân sự là trên thế giới đã có một số nước có nền pháp luật tiên tiến như Cộng hòa Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa... đã có các chương quy định riêng về thủ tục đặc biệt để giải quyết những yêu cầu không có tranh chấp nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý nào đó là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, HN&GD... Như vậy, việc đòi hỏi các nhà làm luật xây dựng chế định giải quyết việc dân sự là phù hợp với xu thế chung, đáp ứng được yêu cầu xã hội, tận dụng được những kinh nghiệm của những quy định trước đây của nước ta và trên thế giới.

1.2.4. Ý nghĩa của chế định giải quyết việc dân sự

Việc quy định chế định giải quyết việc dân sự có ý nghĩa như sau:

Thứ nhất, quán triệt, thể chế hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp.

Thứ hai, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Thứ ba, bảo đảm nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự.

Thứ tư, giảm đáng kể các chi phí tố tụng.

Thứ năm, thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định đơn giản và thời gian giải quyết việc dân sự được quy định rút ngắn.

Thứ sáu, thuận lợi đối với người dân và Tòa án.

Thứ bảy, tác động đối với hiệu xuất, hiệu quả công tác xét xử của Tòa án.

Chương 2

NỘI DUNG CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự

2.1.1. Những loại việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân

2.1.1.1. Tòa án nhân dân cấp huyện

Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết các việc dân sự sau: Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự; tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự; yêu cầu tuyên bố một người mất tích, hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích; yêu cầu tuyên bố một người là đã chết, hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là đã chết; yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật; yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con; yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn; yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2.1.1.2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết các việc dân sự sau: Yêu cầu về dân sự, HN&GD, kinh doanh, thương mại, lao động thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện mà có đương sự hoặc tài sản liên quan đến việc giải quyết việc dân sự ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài; yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp theo quy định của Luật Trọng tài thương mại; yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các bản án, quyết định về dân sự, HN&GD, kinh doanh, thương mại, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài và bản án, quyết định khác của Tòa án nước ngoài mà theo pháp luật của Việt Nam được coi là bản án, quyết định dân sự; yêu cầu không công nhận bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam; yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các quyết định của Trọng tài nước ngoài và các yêu cầu khác về dân sự, HN&GD, kinh doanh thương mại (trừ trường hợp yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh nghiệp), lao động mà pháp luật có quy định.

2.1.2. Nguyên tắc giải quyết việc dân sự

Thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định tại Phần thứ năm từ Điều 311 đến Điều 341 của BLTTDS, trong đó phần quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định tại Chương XX từ Điều 311 đến Điều 318. Theo quy định tại Điều 311 thì Tòa án áp dụng những quy định của Chương XX, đồng thời áp dụng những quy định khác của BLTTDS không trái với quy định tại Chương XX để giải quyết những việc dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 26, các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 28, khoản 1 và 4 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 của BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Ngoài ra đối với những việc dân sự quy định tại các khoản 5 Điều 26, khoản 6 Điều 28, khoản 2 và 3 Điều 30 và khoản 1 và 2 Điều 32 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS được giải quyết theo trình tự riêng.

2.1.3. Người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự

Cá nhân, cơ quan, tổ chức không có tranh chấp có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải

quyết việc dân sự của mình, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích nhà nước cũng phải đáp ứng được các quy định về cá nhân như đối với vụ án dân sự

2.1.4. Thành phần giải quyết việc dân sự

Tùy theo tính chất, nội dung của mỗi loại việc dân sự mà thành phần giải quyết việc dân sự được quy định như sau:

2.1.4.1. Những loại việc dân sự khi giải quyết phải có ba Thẩm phán

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định về dân sự, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định về dân sự, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định về HN&GD của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định về HN&GD của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định kinh doanh, thương mại của Trọng tài nước ngoài.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định lao động của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định lao động của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định lao động của Trọng tài nước ngoài.

- Các yêu cầu khác về lao động mà pháp luật có quy định.

- Việc xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định giải quyết việc dân sự cũng luôn luôn là ba Thẩm phán.

2.1.4.2. Những loại việc dân sự khi giải quyết chỉ có một Thẩm phán

- Những yêu cầu về dân sự, HN&GD, kinh doanh, thương mại, lao động khác không thuộc các trường hợp nêu trên đều do một Thẩm phán giải quyết.

- Yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp theo quy định tại Điều 53 và Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

2.1.5. Thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự

Thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân; Người có đơn yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp của họ; Người có liên quan, người làm chứng, người giám định và người phiên dịch

2.1.6. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Điều 136 BLDS; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS; Điều 159 BLTTDS.

2.2. Những quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự

2.2.1. Thủ lý việc dân sự

Người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự phải làm đơn theo các nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều 312 của BLTTDS và gửi đơn đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Người gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phải gửi kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Về phương thức gửi đơn yêu cầu, thủ tục nhận đơn yêu cầu, trả lại đơn, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu, khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn yêu cầu, thụ lý, phân công Thẩm phán giải quyết, Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 311 của BLTTDS, áp dụng những quy định chung về thủ tục nhận đơn, thụ lý đơn, xem xét đơn khởi kiện đối với vụ án dân sự theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.2.2. Thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự

Khác với phiên tòa xét xử vụ án dân sự, phiên họp giải quyết việc dân sự không giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ dân sự mà là giải quyết việc công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lý, công nhận quyền dân sự của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Cụ thể trình tự thủ tục như sau: Chuẩn bị cho phiên họp; Thay đổi người tiến hành tố tụng khi giải quyết việc dân sự; Thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự

2.2.3. Kháng cáo, kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự

2.2.3.1. Kháng cáo, kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo thủ tục phúc thẩm

Trong vụ án dân sự chỉ có các chủ thể có quyền khởi kiện mới có quyền kháng cáo còn trong việc dân sự thì trong việc dân sự người yêu cầu, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định giải quyết việc dân sự đều có quyền kháng cáo. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Thủ tục phúc thẩm giải quyết việc dân sự bị kháng cáo, kháng nghị được thực hiện theo quy định tại Điều 280 của BLTTDS.

2.2.3.2. Kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS vẫn giữ nguyên như quy định tại BLTTDS và không quy định về kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định giải quyết việc dân sự. Đối với một số việc dân sự theo quy định tại Điều 322, 333 và 338 BLTTDS thì sau khi quyết định giải quyết việc dân sự có hiệu lực pháp luật mà có căn cứ làm thay đổi nội dung thì các chủ thể có quyền yêu cầu chính Tòa án đã ra quyết định giải quyết việc dân sự ra quyết định hủy bỏ quyết định giải quyết việc dân sự trước đó. Do đó, đối với những loại việc dân sự này Tòa án không áp dụng thủ tục tái thẩm. Đối với những trường hợp khi phát hiện quyết định giải quyết việc dân sự không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật (Điều 283 BLTTDS) hoặc khi phát hiện sự thỏa thuận đó là bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hoặc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội (Điều 188 BLTTDS) hoặc có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định (Điều 305 BLTTDS) thì theo tinh thần quy định tại Điều 311 BLTTDS và căn cứ vào các quy định tương ứng của Bộ luật này người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm có thể kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm quy định tại Chương XVIII và Chương XIX của BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2011 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 15-10-2013 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN CHẾ ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn thực hiện chế định giải quyết việc dân sự

3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện chế định giải quyết việc dân sự

Bảng 3.1: Thống kê số lượng các loại việc dân sự Tòa án nhân dân đã giải quyết từ năm 2008 đến năm 2012

Năm	Tổng số vụ, việc dân sự được thụ lý	Tổng số việc dân sự được giải quyết	Tỷ lệ việc dân sự được giải quyết
2008	85.893	2.964	3,45%
2009	92.301	3.990	4,32%
2010	87.514	4.363	4,98%
2011	96.357	4.093	4,24%
2012	102.789	4.786	4,65%

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao.

Qua khảo sát, nghiên cứu thực tiễn giải quyết các loại việc dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm, tác giả nhận thấy việc áp dụng chế định giải quyết việc dân sự đã đạt được những kết quả sau:

Thứ nhất, chế định giải quyết việc dân sự góp phần giảm tải cho Tòa án trong công tác xét xử các vụ việc dân sự.

Thứ hai, chế định giải quyết việc dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường, giải quyết các yêu cầu về dân sự, HN&GD, kinh doanh thương mại một cách nhanh chóng.

Thứ ba, với trình tự, thủ tục giải quyết đơn giản, nhanh chóng đã tạo thuận lợi cho người dân có thể tiếp cận với Tòa án.

Thứ tư, với các quy định trình tự, thủ tục đơn giản, nhanh chóng chế định giải quyết việc dân sự góp phần nâng cao hiệu suất công tác xét xử của Tòa án, kịp thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và Thẩm phán có thể tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được giao, làm tăng thêm tinh thần trách nhiệm, buộc họ phải thận trọng, cân nhắc khi thụ lý giải quyết việc dân sự mà vẫn bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

3.1.2. Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chế định giải quyết việc dân sự

Tác giả luận văn đã chỉ ra những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chế định giải quyết việc dân sự, bao gồm:

3.1.2.1. Về nguyên tắc giải quyết việc dân sự

3.1.2.2. Về đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự

3.1.2.3. Về thụ lý đơn yêu cầu

3.1.2.4. Về thủ tục ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích

3.1.2.5. Về ngày mất tích của người bị yêu cầu là mất tích trong quyết định tuyên bố một người là mất tích

3.1.2.6. Về cơ chế chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự trong thực tiễn giải quyết các vụ việc về hôn nhân gia đình

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực hiện chế định giải quyết việc dân sự

3.2.1. Kiến nghị về sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Tác giả luận văn cho rằng những vướng mắc và lúng túng giữa việc áp dụng thủ tục việc dân sự hay vụ án dân sự như sẽ được nghiên cứu khi tiến hành sửa đổi toàn diện BLTTDS theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 là Tòa án xét xử theo thủ tục thông thường và thủ tục rút gọn, theo đó đối với một số vụ án có đủ điều kiện như vụ án có giá trị tranh chấp thấp hoặc một số việc dân sự có sự thỏa thuận, tự nguyện giữa các bên sẽ được xét xử theo trình tự, thủ tục rút gọn, và trên cơ sở đó xây dựng cơ chế có thể chuyển vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn sang xét xử theo thủ tục thông thường đối với một số trường hợp nhất định như các vụ án đang thụ lý giải quyết theo thủ tục rút gọn nhưng phát sinh tính chất phức tạp hoặc trường hợp Tòa án xét thấy cần phải thu thập chứng cứ mà thời gian giải quyết sẽ kéo dài không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự... và khi tiến hành sửa đổi, bổ sung BLTTDS toàn diện cần phải thiết kế một Chương riêng quy định về thủ tục rút gọn giải quyết những yêu cầu về HN&GD thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục giải quyết việc dân sự tại Phần thứ năm BLTTDS.

3.2.2. Một số kiến nghị hướng dẫn áp dụng các quy định trong Phần thứ năm về thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự

3.2.2.1. Về nguyên tắc giải quyết việc dân sự có áp dụng thủ tục hòa giải hay không

Tác giả luận văn đề nghị cần phải được hướng dẫn cụ thể trong Nghị quyết hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ năm thủ tục giải quyết việc dân sự của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, cụ thể như sau:

- Khi giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, Toà án trước hết áp dụng những quy định chung tại Chương XX Phần thứ năm của BLTTDS và áp dụng những quy định khác của BLTTDS không trái với quy định tại Chương XX Phần thứ năm của BLTTDS để giải quyết. Những quy định của BLTTDS không trái với những quy định tại Chương XX này là những điều luật đã được quy định tại các chương khác của Bộ luật này, không mâu thuẫn với những quy định tại Chương XX và được áp dụng để giải quyết việc dân sự.

- Những quy định khác không trái với quy định tại Chương XX Phần thứ năm của BLTTDS

- Những quy định khác của BLTTDS được quy định tại các chương khác của Bộ luật này nhưng trái với quy định tại Chương XX này thì không được áp dụng để giải quyết việc dân sự.

3.2.2.2. Về đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự

Theo tác giả luận văn, có thể áp dụng các mẫu trong thủ tục giải quyết vụ án dân sự nhưng đối với thủ tục giải quyết việc dân sự mang tính tố tụng đặc thù thì cần phải ban hành một số mẫu riêng kèm theo hướng dẫn cụ thể như mẫu đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, quyết định giải quyết việc dân sự... giúp cho Tòa án thuận lợi hơn trong việc xác định thẩm quyền giải quyết, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số mẫu cụ thể như sau:

Thứ nhất, về đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự

Trước mắt chúng tôi đề xuất cần ban hành mẫu đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự kèm theo nghị quyết hướng dẫn về thủ tục giải quyết việc dân sự

theo đó tại phần hướng dẫn ghi rõ người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết đơn yêu cầu, cụ thể như sau:

Mẫu số 01. Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2014/NQ-HĐTP ngày tháng năm 2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập-Tự Do-Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc ⁽¹⁾

Kính gửi: ⁽²⁾

Người yêu cầu: ⁽³⁾

Họ và tên:

Nghề nghiệp:..... Sinh năm:.....Giới tính:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Người đại diện hợp pháp của Người yêu cầu (nếu có): ⁽⁴⁾

Họ và tên:

Nghề nghiệp:..... Sinh năm:.....Giới tính:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết đơn yêu cầu ⁽⁶⁾:

Họ và tên:

Nghề nghiệp:..... Sinh năm:.....Giới tính:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Người đại diện hợp pháp của Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết đơn yêu cầu (nếu có): ⁽⁷⁾

Người làm chứng (nếu có): ⁽⁸⁾

Người giám định (nếu có): ⁽⁹⁾

Người phiên dịch (nếu có): ⁽¹⁰⁾

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết và lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự: ⁽¹¹⁾

Những tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu gồm có:⁽¹²⁾
Các thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết việc dân sự (nếu có):⁽¹³⁾

Người Yêu cầu⁽¹⁴⁾
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01:

(1) Ghi yêu cầu Tòa án giải quyết loại yêu cầu gì. Ví dụ: Về việc công nhận thuận tình ly hôn; Về việc yêu cầu văn bản công chứng vô hiệu; Về việc Tuyên bố một người mất tích...

(2) Ghi tên Toà án ra nơi nộp đơn yêu cầu; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(3) Nếu người yêu cầu là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của các nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó và người đại diện cơ quan tổ chức.

(4) (5) (7) Ghi đầy đủ họ, tên và địa chỉ của Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

(6) (8) (9) (10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (3).

(11) Ghi cụ thể nội dung yêu cầu Tòa án công nhận.

(12) Ghi cụ thể tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo đơn yêu cầu về số, ký hiệu, loại tài liệu... Ví dụ: Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 02 của chồng Nguyễn Hữu A và vợ Lại Thị B do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X ký ngày 20 tháng 9 năm 2014....

(13) Ghi một số thông tin cần thiết cho việc yêu cầu của mình là có căn cứ và cần thiết. Ví dụ: Đối với yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, thì ngoài những tài liệu, chứng cứ nộp theo đơn yêu cầu, Người yêu cầu cung cấp thông tin về những hành động, cử chỉ, việc làm của người bị yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự...

(14) Nếu người yêu cầu là cá nhân hoặc tổ chức việc ký và ghi họ tên thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số /2014/NQ-HĐTP ngày tháng

năm 2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định trong Phần thứ năm về Thủ tục giải quyết việc dân sự của BLTTDS sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS
Thứ hai, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Chúng tôi đề xuất ban hành mẫu đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn kèm theo Nghị quyết hướng dẫn về thủ tục giải quyết việc dân sự như sau:

**Mẫu số 02. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2014/NQ-HĐTP ngày tháng năm
2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập-Tự Do-Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN,
NUÔI CON, CHIA TÀI SẢN KHI LY HÔN**

Kính gửi:⁽¹⁾

Họ và tên vợ:.....

Nghề nghiệp:..... Sinh năm:..... Giới tính:.....

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Họ và tên chồng:.....

Nghề nghiệp:..... Sinh năm:..... Giới tính:.....

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Cùng nhau tự nguyện yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn sau khi đã thỏa thuận được các quan hệ sau:⁽²⁾
và các yêu cầu khác:⁽³⁾.....

Những tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu gồm có:⁽⁴⁾.....

Người yêu cầu⁽⁵⁾

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02:

(1) Ghi tên Toà án ra nơi nộp đơn yêu cầu; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi cụ thể nội dung thỏa thuận: Về con (cụ thể con thứ nhất do ai nuôi, con thứ hai do ai nuôi). Về nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng đối với các con (mức đóng góp; thời gian định kỳ đóng góp). Về tài sản chung vợ chồng (ghi rõ đã thống nhất thỏa thuận cụ thể các loại tài sản).

(3) Ghi cụ thể tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo đơn yêu cầu về số, ký hiệu, loại tài liệu... Ví dụ: Giấy chứng minh thư nhân dân ngày cấp, cơ quan cấp. Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 02 của chồng Nguyễn Hữu A và vợ Lại Thị B do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X ký ngày 20 tháng 9 năm 2014; Giấy khai sinh của các con, Giấy đăng ký quyền sử dụng đất, sở hữu nhà...).

(4) Ghi rõ không yêu cầu gì khác.

(5) Chữ ký của vợ và chồng, ghi rõ họ tên.

3.2.2.3. Về thụ lý đơn yêu cầu

3.2.2.4. Về thủ tục ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích

Theo tác giả luận văn, xuất phát từ quan điểm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người chồng hoặc người vợ bị tuyên bố mất tích bởi quyết định có hiệu lực của Tòa án nên khi giải quyết loại việc này vẫn cần thiết phải thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo cho người chồng hoặc người vợ mặc dù đã được tuyên bố mất tích đó, bởi trong những trường hợp hy hữu họ có thể biết được hoặc trở về và việc thực hiện này là không vi phạm về thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật khi giải quyết đối với trường hợp trên, đề nghị cần phải hướng dẫn tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán về công bố thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú quy định tại Điều 328 BLTTDS trong trường hợp người chồng hoặc người vợ yêu cầu ly hôn với người chồng hoặc người vợ đã bị tuyên bố mất tích theo hướng: Theo yêu cầu của đương sự Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phải được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp.

3.2.2.5. Về ngày mất tích của người bị yêu cầu là mất tích trong quyết định tuyên bố một người là mất tích

Để bảo đảm tính thống nhất áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ việc tại Tòa án nhân dân chúng tôi đề nghị cần phải đưa vào nội dung

hướng dẫn tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ năm về Thủ tục giải quyết việc dân sự của BLTTDS, theo đó, hướng dẫn khoản 3 Điều 332 BLTTDS quy định về quyết định tuyên bố một người mất tích theo hướng: Trong trường hợp chấp nhận đơn yêu cầu thì Tòa án ra quyết định tuyên bố mất tích; trong quyết định tuyên bố mất tích phải ghi rõ, cụ thể ngày, tháng, năm mất tích được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó.

3.2.2.6. Về chuyển việc dân sự được xét xử theo thủ tục giải quyết việc dân sự sang xét xử theo thủ tục giải quyết vụ án dân sự đối với một số trường hợp nhất định

Hiện nay đang tồn tại ba quan điểm giải quyết đối với các loại việc dân sự mà phát sinh tranh chấp. Trước mắt để giải quyết vướng mắc trên trong thời gian tới khi mà Dự án sửa đổi, bổ sung toàn diện BLTTDS đang tiến hành triển khai theo chương trình xây dựng Luật và Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII sẽ thông qua vào cuối năm 2015 và cũng còn phải một thời gian dài để ban hành văn bản hướng dẫn, chúng tôi đề xuất xây dựng cơ chế chuyển đổi từ việc dân sự sang vụ án dân sự theo hướng: Đối với những loại việc dân sự quy định tại Điều 28 BLTTDS như yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn... trong quá trình giải quyết việc dân sự trước khi mở phiên họp mà có phát sinh tranh chấp thì Thẩm phán giải quyết việc dân sự không ra quyết định đình chỉ như hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mà tiến hành thu thập chứng cứ, yêu cầu các bên đương sự cung cấp chứng cứ liên quan đến tranh chấp phát sinh, sau đó tiến hành hòa giải nếu hòa giải không thành Thẩm phán căn cứ tình hình vụ án đề nghị Chánh án Tòa án ra quyết định bổ sung hai Hội thẩm nhân dân theo đúng quy định của pháp luật và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng thời thông báo cho các bên đương sự biết và trong thông báo ghi rõ các đương sự không được quyền khiếu nại quyết định đưa vụ án ra xét xử bởi xuất phát từ chính việc phát sinh tranh chấp giữa các bên. Với trình tự thủ tục như vậy sẽ tiết kiệm được thời gian giải quyết vụ việc, mặc dù phát sinh tranh chấp nhưng vẫn tạo được điều kiện cho đương sự được giải quyết nhanh chóng vụ việc, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự một cách kịp thời, ổn định xã hội và tránh sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật khi mà thực tế phát sinh nhưng luật chưa quy định.

3.2.3. Kiến nghị về bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Tác giả luận văn kiến nghị về bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trên một số vấn đề sau

3.2.3.1. Thường xuyên bồi dưỡng hoặc định kỳ tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ cho Thẩm phán

3.2.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân về quyền và nghĩa vụ của họ khi tham gia tố tụng tại Tòa án

KẾT LUẬN

Xét xử các vụ việc dân sự là vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội hết sức quan tâm. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tố tụng dân sự nói chung cũng như chế định giải quyết việc dân sự nói riêng nhằm đảm bảo xét xử khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. BLTTDS năm 2004 được thông qua ngày 15/6/2004, sau hơn năm năm thi hành trên thực tiễn có thể nói bên cạnh những hiệu quả đã đạt được thì những hạn chế, bất cập, mâu thuẫn cũng ngày càng bộc lộ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng, chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự... Để giải quyết được những vướng mắc, bất cập lớn, những vấn đề thực sự bức xúc, kịp thời đáp ứng được đòi hỏi của công tác xét xử trong ngành Tòa án nói riêng và nhu cầu của xã hội nói chung, ngày 29/3/2011 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật số 65/2011/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS và có hiệu lực từ ngày 01/01/2012 theo đó, Luật số 65/2011/QH12 đã tập trung sửa đổi, bổ sung một số điều tại các chương của BLTTDS nói chung cũng như một số điều tại Phần thứ năm về thủ tục giải quyết việc dân sự nói riêng. Mặc dù vậy, do nhiều lý do khách quan trong thời gian sửa đổi, bổ sung nên Phần thứ năm về thủ tục giải quyết việc dân sự vẫn chưa tập trung sửa đổi, bổ sung được tất cả các quy định tại phần này, chưa giải quyết triệt để những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân

cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: "... Xây dựng cơ chế xét xử theo thủ tục rút gọn đối với những vụ án có đủ một số điều kiện nhất định" [7]. Theo đó, tại Nghị quyết số 65/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS đã xác định: "Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao... phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp tục nghiên cứu các điều Khoản của Bộ luật tố tụng dân sự có vướng mắc, bất cập trong thực tiễn giải quyết các vụ việc dân sự mà chưa có điều kiện sửa đổi, bổ sung để chuẩn bị phương án cho việc sửa đổi, bổ sung cơ bản, toàn diện Bộ luật tố tụng dân sự".

Đến thời điểm này khi mà Hiến pháp vừa được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 28/11/2013 đã khẳng định về thủ tục rút gọn và cũng là xu hướng chung về hệ thống pháp luật của một số nước trên thế giới đã quy định về thủ tục xét xử rút gọn đối với một số loại vụ việc đơn giản, chứng cứ rõ ràng... Do đó, theo chúng tôi việc hoàn thiện chế định giải quyết việc dân sự cần thiết phải được nghiên cứu một cách sâu sắc, triệt để trong thời gian tới khi tiến hành sửa đổi, bổ sung cơ bản, toàn diện BLTTDS theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 Tòa án xét xử theo thủ tục thông thường và thủ tục rút gọn. Theo đó, đối với loại việc dân sự có bản chất là không có tranh chấp, do các bên thỏa thuận, chứng cứ rõ ràng và do một Thẩm phán giải quyết thì cần phải được hoàn thiện theo hướng thu hút vào Phần quy định về thủ tục rút gọn là hoàn toàn phù hợp với quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu pháp luật, cũng như hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực pháp lý những năm gần đây.

Với phạm vi của một luận văn cao học và mục đích nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận, nội dung của chế định giải quyết việc dân sự và thực tiễn thực hiện chúng, qua đó nêu lên những vướng mắc, bất cập và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chế định giải quyết việc dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, cụ thể là Dự án sửa đổi, bổ sung BLTTDS theo Chương trình xây dựng Luật và Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII và trước mắt là xây dựng nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều quy định trong Phần thứ năm Thủ tục giải quyết việc dân sự của BLTTDS. Chúng tôi hy vọng những đề xuất, kiến nghị trong luận văn sẽ đáp ứng được yêu cầu đúng như tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra.